

## KẾT QUẢ KINH DOANH

|                    |            |         |         |
|--------------------|------------|---------|---------|
| Ngày<br>31/12/2024 | 16,100 VNĐ |         |         |
| Thay đổi           | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|                    | 0%         | 0.6%    | 7.3%    |

|             |      |        |                          |
|-------------|------|--------|--------------------------|
| DT<br>thuần | 2024 | 326    | YoY<br>▲ 33.0<br>▲ 11.3% |
|             |      | tỷ VNĐ |                          |

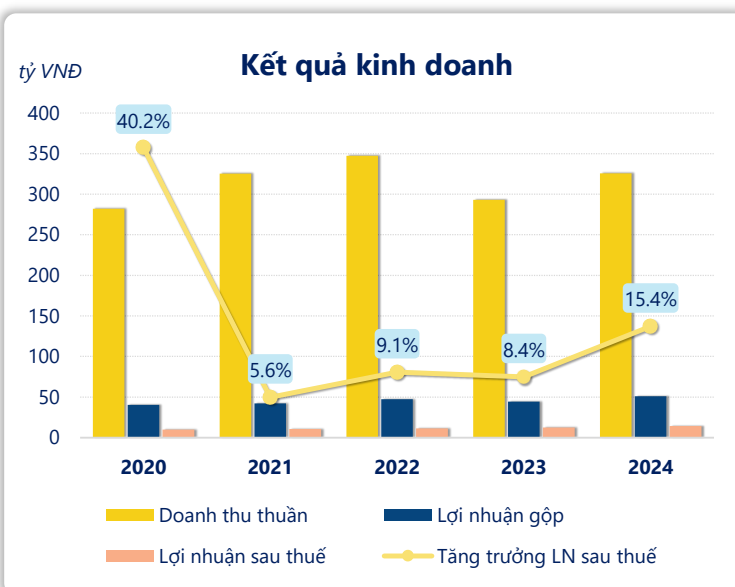
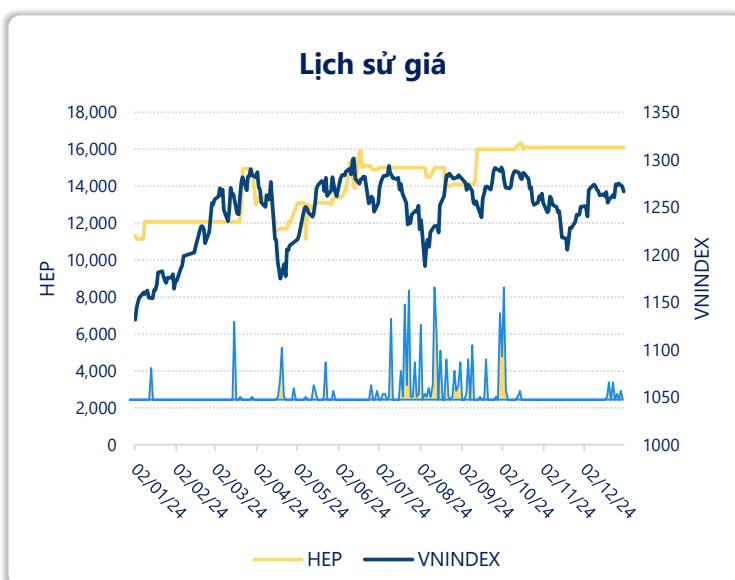
|        |      |        |                          |
|--------|------|--------|--------------------------|
| LN gộp | 2024 | 50.8   | YoY<br>▲ 6.40<br>▲ 14.5% |
|        |      | tỷ VNĐ |                          |

|             |      |        |                          |
|-------------|------|--------|--------------------------|
| LN<br>thuần | 2024 | 16.6   | YoY<br>▲ 1.90<br>▲ 13.2% |
|             |      | tỷ VNĐ |                          |

|                |      |        |                          |
|----------------|------|--------|--------------------------|
| LN sau<br>thuế | 2024 | 14.4   | YoY<br>▲ 1.90<br>▲ 15.4% |
|                |      | tỷ VNĐ |                          |

|     |      |       |                   |
|-----|------|-------|-------------------|
| ROE | 2024 | 16.2% | +/- YoY<br>▲ 2.7% |
|-----|------|-------|-------------------|

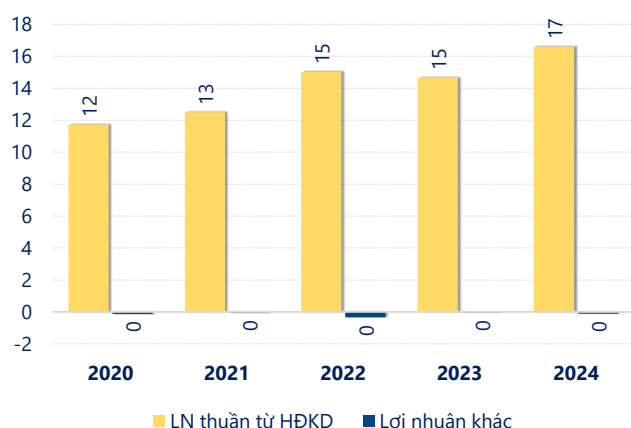
|     |      |      |                   |
|-----|------|------|-------------------|
| ROA | 2024 | 3.3% | +/- YoY<br>▲ 1.2% |
|-----|------|------|-------------------|



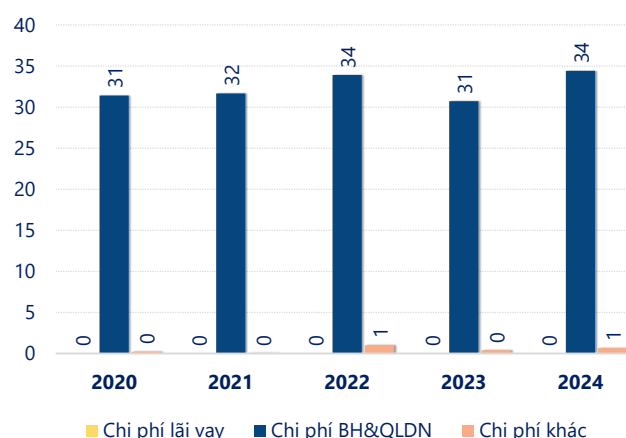
Năm **2024**, **HEP** ghi nhận doanh thu thuần **325.9** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **14.40** tỷ đồng, lần lượt **tăng 11.3%** và **tăng 15.4%** so với năm trước.

Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **16.2%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.

tỷ VNĐ

**Cơ cấu lợi nhuận**

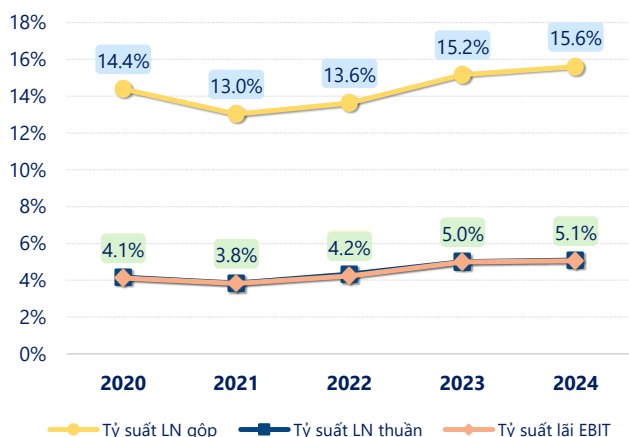
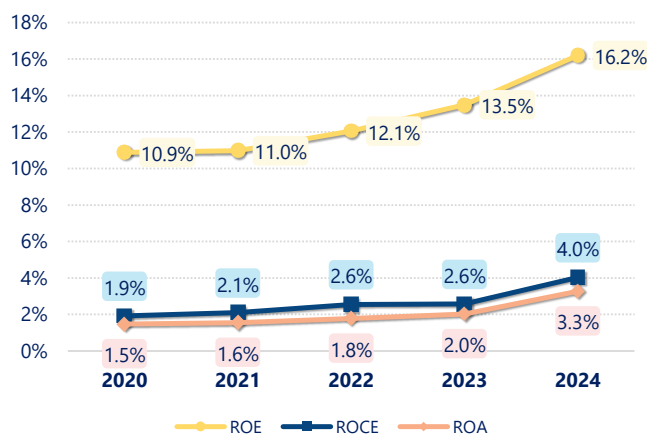
tỷ VNĐ

**Cơ cấu chi phí**

Năm **2024**, HEP có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **16.60** tỷ đồng, **tăng lên 1.93** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (14.11 tỷ đồng) là 2.49 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

**Chi phí lãi vay không đổi** so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên** ở mức **34.41** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.64** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

**ROE** của HEP năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **16.2%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.

**Tỷ suất lợi nhuận****Tỷ suất sinh lợi**

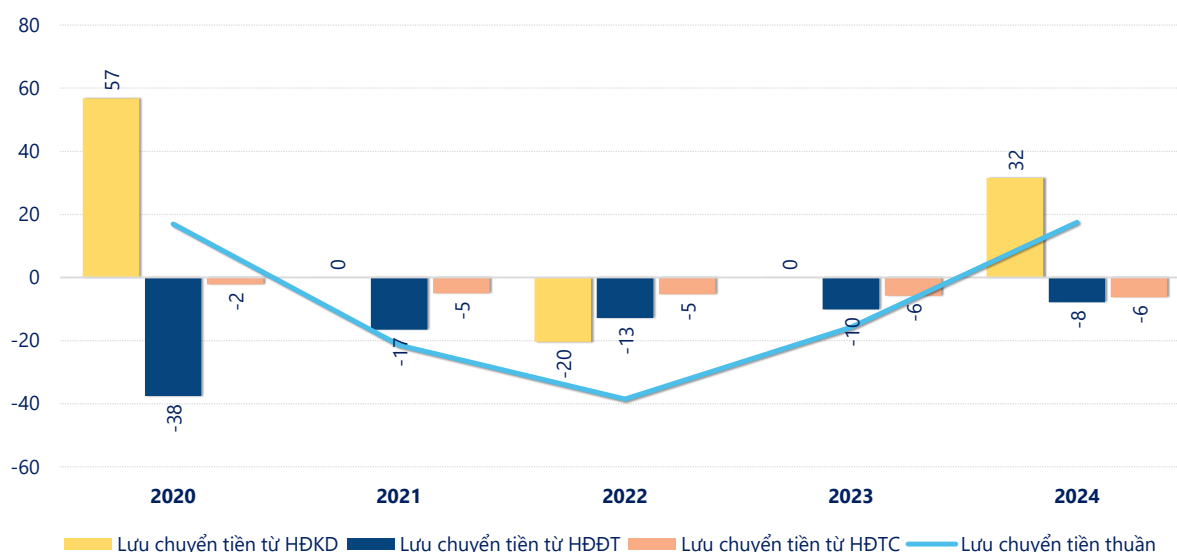
## KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

|                           | 2020        | 2021        | 2022        | 2023        | 2024        |
|---------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>    | <b>282</b>  | <b>325</b>  | <b>347</b>  | <b>293</b>  | <b>326</b>  |
| Giá vốn hàng bán          | 241         | 283         | 300         | 248         | 275         |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>      | <b>40.6</b> | <b>42.4</b> | <b>47.3</b> | <b>44.4</b> | <b>50.8</b> |
| Doanh thu HĐTC            | 2.57        | 1.77        | 1.62        | 0.97        | 0.16        |
| Chi phí TC                | 0.00        | 0           | 0           | 0           | 0           |
| <b>Chi phí lãi vay</b>    | <b>0</b>    | <b>0</b>    | <b>0</b>    | <b>0</b>    | <b>0</b>    |
| LN trong công ty LKLD     | 0           | 0           | 0           | 0           | 0           |
| Chi phí bán hàng          | 0.02        | 0           | 0           | 0           | 0           |
| Chi phí QLDN              | 31.4        | 31.6        | 33.9        | 30.7        | 34.4        |
| <b>LN thuần từ HĐKD</b>   | <b>11.7</b> | <b>12.5</b> | <b>15.0</b> | <b>14.7</b> | <b>16.6</b> |
| Lợi nhuận khác            | -0.13       | -0.06       | -0.34       | -0.04       | -0.12       |
| <b>LN trước thuế</b>      | <b>11.6</b> | <b>12.4</b> | <b>14.7</b> | <b>14.6</b> | <b>16.5</b> |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b> | <b>9.99</b> | <b>10.5</b> | <b>11.5</b> | <b>12.5</b> | <b>14.4</b> |
| <b>LNST của CĐ cty mẹ</b> | <b>9.99</b> | <b>10.5</b> | <b>11.5</b> | <b>12.5</b> | <b>14.4</b> |

tỷ VNĐ

## Lưu chuyển tiền



**Lưu chuyển tiền thuần** năm 2024 của HEP bằng **17.47** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-15.80 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **31.58** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-7.87** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-6.23** tỷ đồng.